



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: 3010 /QĐ-VPCNCLQG ngày 13 tháng 10 năm 2026
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng Quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: Công ty TNHH Chứng nhận BVQA

Tiếng Anh/ in English: BVQA Certification Co., Ltd

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 019 - OHSMS

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Địa chỉ /Address: Phòng 27C, Tầng 3, Khu Trung tâm Thương mại, Tòa A1, Green Park,
Số 1 Phố Trần Thủ Độ, phường Yên Sở, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

*Room 27C, 3rd Floor, Business Center Zone, A1 Green Park Tower,
No.1 Tran Thu Do Street, Yen So Ward, Hanoi City, Viet Nam*

Tel: (84) 243 6400734

Email: hanoi@bvqa.org

Website: www.bvqa.org.vn

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

- ISO/IEC 17021-1: 2015;
- ISO/IEC TS 17021-10:2018

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ/ from 13 / 10 / 2026 đến/ to 12 / 10 / 2031



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 cho các lĩnh vực sau/*Certification of occupation health and safety management system according to ISO 45001:2018 for the scopes as follows:*

Nhóm ngành/ <i>Technical cluster</i>	Mã IAF/ <i>IAF code</i>	Ngành kinh tế/ <i>Economic sector</i>
Cơ khí/Mechanical	17	Các sản phẩm được chế tạo từ kim loại <i>Fabricated metal products</i>
	18	Máy móc, thiết bị <i>Machinery and equipment</i>
	19	Thiết bị điện, quang <i>Electrical and optical equipment</i>
	22	Phương tiện vận tải khác <i>Other transport equipment</i>
Xây dựng/ <i>Construction</i>	28	Xây dựng/ <i>Construction</i>
	34	Dịch vụ kỹ thuật/ <i>Engineering services</i>
Sản xuất hàng tiêu dùng/ <i>Goods production</i>	4	Dệt và sản phẩm dệt <i>Textiles and textile products</i>
	23	Những ngành sản xuất khác chưa được phân loại <i>Manufacturing not elsewhere classified</i>
Dịch vụ/ <i>Services</i>	29	Bán buôn, bán lẻ; Sửa chữa ô tô, xe máy, đồ gia dụng <i>Wholesale and retail trade; Repair of motor vehicles, motorcycles and personal and household goods</i>
	32	Môi giới tài chính; Bất động sản; Cho thuê <i>Financial intermediation; Real estate; Renting</i>
	33	Công nghệ thông tin <i>Information technology</i>
	35	Dịch vụ khác <i>Other services</i>
	36	Hành chính công <i>Public administration</i>
	37	Giáo dục <i>Education</i>

Ghi chú/*Note*: Công ty TNHH Chứng nhận BVQA phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/*BVQA Certification Co., Ltd must register its operations and obtain the registration certificate according to the law before providing certification services.*